TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2020/HS-PT
Ngày: 12/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1.Ông Phan Nguyên Nguyên

2.Ông Bùi Đức Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 626/2019/HSPT ngày 31/12/2019 đối với các bị cáo Bùi Xuân T và Nguyễn Thái N theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1080/2020/QĐXXPT-HS ngày 23/4/2020, do có kháng cáo của bị hại đối với bản án sơ thẩm số 215/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

1.Họ và tên: **Bùi Xuân T**(tên gọi khác: Chó Con); giới tính: nam; sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 01, Ấp 7, xã X, huyện Y, Thành phố Y; nơi cư trú: 01, Ấp 7, xã X, huyện Y, Thành phố Z; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: thợ hồ; con ông Bùi Xuân I và bà Nguyễn Kim U; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án; tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ, tạm giam: 05/3/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Nguyễn Thái** N; giới tính: nam; sinh năm 1994 tại thành phố Z; nơi đăng ký thường trú: 02, Tổ 5, Ấp 2, xã J, huyện Y, Thành phố Z; nơi

cư trú: 02, Tổ 5, Ấp 2, xã J, huyện Y, Thành phố Z; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; con ông Nguyễn Văn O (đã chết) và bà Lại Thị P; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Phan Thị Kim V, có 1 con sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ, tạm giam: 11/6/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Xuân T: Luật sư **Nguyễn Thị Huyền R,** luật sư Công ty luật hợp danh NTV, Đoàn luật sư thành phố Z; có mặt;

Người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982; nơi cư trú: 03 đường số 13, tổ 2, khu phố 4, phường L, quận Đ, Thành phố Z; có mặt.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Nguyễn Ánh M,** Văn phòng luật sư M, Đoàn luật sư thành phố N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/5/2018, Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N cùng với Lý Văn V, A, B và một người bạn của A (đều là những người chưa rõ lai lịch) ngồi ăn nhậu tại bàn số 25 của quán ăn TL (địa chỉ: 01 ấp 7, xã X, huyện Y, Thành phố Z). Tại đây, T có nói cho cả nhóm nghe việc T và ông Nguyễn Đình L (chủ quán ăn TL) có mâu thuẫn với nhau trước đó. Sau đó, T chủ động mời bia ông L để giải hòa. Tuy nhiên, T cho rằng ông L có Thái độ xem thường mình nên mang trong lòng sự bực tức. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nhóm của T trả tiền ăn uống để ra về; riêng Lý Văn V thì đã về trước do đã uống say. Sau khi tính tiền xong, Tthấy ông L đang đứng trước quán nên T đến chỗ ông L đang đứng và dùng tay đánh vào mặt ông L. Ông L bỏ chạy vào phòng ngủ của nhân viên quán và đóng cửa lại. T, N và A đuổi theo ông L. Khi đến trước tủ bê thui của quán, T lấy 01 con dao dài khoảng 30cm và 01 cây mài dao dài khoảng 30cm làm hung khí. Tuy nhiên, trong lúc chạy T làm rớt cây mài dao. Khi đến căn phòng ông L đang trốn bên trong, N và A gọi ông L ra nhưng ông L không ra. Sau đó, N và A dùng tay, chân đánh đạp làm vỡ kính cửa phòng. Thấy vậy, T bỏ đi ra ngoài thì bị ông Nguyễn Văn H cản lại. T cầm dao chém ông H thì bị ông H chụp dao, đôi bên giằng co, ông H bị 01 vết thương rách da ở ngực. Ông H và T tiếp tục giằng co và cả hai ngã xuống đất. Sau đó, ông H và T đứng lên tiếp tục giằng co. Lúc này, N chạy đến cầm ly uống bia (bằng thủy tinh) đánh vào đầu ông H 01 cái làm cho ông H bị choáng ngã xuống đất. Thấy vậy, T cầm

dao bằng hai tay đâm 01 nhát trúng vào bụng của ông H. Sau đó, cả nhóm vứt hung khí tại hiện trường và bỏ trốn. Ông H được đưa đi cấp cứu. Bà Nguyễn Thị C (vợ của ông L) đến công an xã X trình báo sự việc.

Căn cứ Kết luận số 466/TgT.18, ngày 25/6/2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về thương tích của Nguyễn Văn H như sau:

1.Dấu hiệu chính qua giám định:

-Đa chấn thương phần mềm gây sưng nề phần đầu, đứt da vùng ngực phải, đã được điều trị khâu vết thương ngực, hiện:

+Không còn dấu vết gì ở đầu, ổn định. Nhiều khả năng do vật tày tác động hoặc do vùng đầu va dụng vào vật tày;

+Còn 01 sẹo kích thước 10cm x (0,2-0,5)cm tại ngực phải, ổn định. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

-Vết thương vùng hạ sườn phải thấu bụng xuyên thủng gan, đã được phẫu thuật 02 lần cắt bỏ túi mật, cắt bỏ phần thùy V, VI gan phải, khâu cầm máu, đặt dẫn lưu đường mật, nhét ba mèche cầm máu vùng gan và lấy ba mèche này ra ở lần mổ sau đó, dẫn lưu dưới gan, dẫn lưu đường mật, hiện còn:

+Dẫn lưu đường mật;

+Sẹo đâm kích thước 4cm x 0,2cm tại hạ sườn phải;

+Các sẹo mổ và dẫn lưu đường bụng kích thước 16cm x 0,3cm; 18cm x 0,3cm; 1,5cm x 1,5cm;

+Tình trạng ổn định

Thương tích do vật sắc nhọn gây ra.

2.Theo thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thì tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 77%.

Ngày 21/01/2019, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định bổ sung) số 466B/TGT.18-19 của Nguyễn Văn H như sau: Theo bản kết luận giám định số 466/TgT.18 về thương tích của Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 thì tại vùng đầu có tỷ lệ 00% (không phần trăm); tại ngực phải có có tỷ lệ 04% (bốn phần trăm) và tại vùng hạ sườn phải, thấu bụng có tỷ lệ 76% (bảy mươi sáu phần trăm). Cộng lùi các tỷ lệ trên sẽ ra tỷ lệ 76,96%, làm tròn số sẽ là 77%.

Đối với ông Nguyễn Đình L, do chỉ bị thương tích nhẹ nên ông L từ chối giám định, bãi nại và không yêu cầu xử lý hình sự đối với người đã thương tích cho ông L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1324/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản Trong tố tụng hình sự xác định: 01 cửa phòng bằng kim loại bị đập vỡ kính (kích thước 2,2m x 0,77m) trị giá 889.350đ.

Tại bản cáo trạng số 158/CT-VKS ngày 15/72019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 215/ 2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 357, 584, 590 Bộ luật dân sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 09 (chín) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2019;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái N 08 (tám) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2019.

Buộc các bị cáo Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 188.514.300đ, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bồi thường được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tách phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Đình L để giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục vụ án dân sự khi ông L có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; tuyên xử lý vật chứng; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 06/12/2019, bị hại có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

-Về tội danh: Căn cứ theo án lệ số 01/2016/AL ngày 04/6/2016, phải xét xử các bị cáo về tội "Giết người";

-Về hình phạt: Tăng nặng hình phạt (không nêu lý do);

-Về trách nhiệm dân sự: Tăng mức bồi thường dân sự (không nêu lý do).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tự nguyện đề nghị bồi thường thêm cho bị hại 100.000.000đ so với mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Đồng thời, các bị cáo cho biết là các bị cáo hoàn toàn không có ý thức muốn giết chết ông H, các bị cáo cũng không quen biết ông H.

Người bị hại đồng ý với đề nghị của các bị cáo về phần bồi thường dân sự. Riêng về phần tội danh và hình phạt, bị hại giữ nguyên như nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Không có căn cứ để xác định các bị cáo muốn giết chết ông Nguyễn Văn H. Do vậy, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội "Giết người". Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo. Về mặt dân sự, các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Luật sư M bào chữa cho bị cáo T như sau: Không có căn cứ để xác định các bị cáo muốn giết chết ông Nguyễn Văn H nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội "Giết người". Mặc dù bị cáo không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thêm cho bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T; không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Luật sư M phát biểu ý kiến bảo vệ quyền, L ích hợp pháp của bị hại như sau: Bị cáo T đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể ông H. Đối chiếu với quy định của án lệ 01/2016/AL ngày 04/6/2016 của Tòa án nhân tối cao, cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội giết người mới chính xác**.** Về phần dân sự, các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được việc giải quyết nên luật sư không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan A hành tố tụng, người A hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan A hành tố tụng, người A hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Căn cứ lời khai của các bị cáo, người làm chứng, người liên quan, căn cứ vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có cơ sở để xác định rằng:

Vào lúc 18 giờ ngày 18/5/2018, Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N cùng với Lý Văn V, A, B và một người bạn của B (đều là những người chưa rõ lai lịch) ngồi ăn nhậu ở quán ăn Thành L (địa chỉ: 01 ấp 7, xã Lê Minh X, huyện Y, Thành phố Z). Do trước đó, T có mâu thuẫn với Nguyễn Đình L (chủ quán) nên T chủ động mời bia ông L để giải hòa. Tuy nhiên, T tự cho rằng ông L có thái độ xem thường mình nên nảy sinh sự bực tức. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi ra về thì T đã dùng tay đánh vào mặt ông L. Ông L bỏ chạy vào phòng ngủ của nhân viên quán và đóng cửa lại. T, N và A đuổi theo ông L. Khi đến căn phòng ông L đang trốn bên trong, N và A gọi ông L ra nhưng ông L không ra. N và A dùng tay, chân đánh đạp vỡ kính cửa phòng. T bỏ đi ra ngoài thì bị ông Nguyễn Văn H (là người ở trong quán) cản lại. T cầm dao chém ông H, ông H chụp dao giằng co với T và bị dao gây ra 01 vết thương rách da ở ngực. Trong lúc ông H và T giằng co thì N cầm ly uống bia (bằng thủy tinh) đánh vào đầu ông H 01 cái làm cho ông H bị choáng và ngã xuống đất, T cầm dao đâm trúng vào bụng ông H.

Theo kết luận giám định thì thương tích mà các bị cáo gây ra cho ông H là 77%.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do bản tính hung hăng, xem thường pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo theo tội danh, điều khoản như đã nêu là có căn cứ. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là bộ đội phục viên, ngoài lần phạm tội này không còn có vi phạm pháp luật nào khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ.

[4].Về những nội dung kháng cáo của bị hại:

Đối với kháng cáo về phần tội danh:

Về mặt chủ quan, theo quy định của pháp luật thì tội "Giết người" được thực hiện do lỗi cố trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Đối với lỗi cố ý trực tiếp thì người phạm tội phải có ý thức muốn tước đoạt sinh mạng của bị hại; còn đối với lỗi cố ý gián tiếp thì người phạm tội biết được hành vi của mình là có thể làm bị hại chết, mặc dù người phạm tội không mong muốn bị hại chết nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Trong vụ án này, bị cáo T đã có hành vi cầm dao đâm ông H một nhát vào bụng. Lúc này, ông H gục xuống và các bị cáo đã làm chủ tình thế. Mặc dù không bị ai ngăn cản nhưng các bị cáo không tiếp tục tấn công ông H mà bỏ chạy. Điều này cho thấy các bị cáo không có ý định giết chết ông H. Bởi lẽ, nếu muốn giết chết ông H thì các bị cáo hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện.

Các bị cáo không có ý định giết chết ông H nhưng nhận thức được hành vi của mình là có thể dẫn đến việc ông H bị chết và có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra (hay nói cách khác là không quan tâm đến hậu quả). Tuy nhiên, trong vụ án này ông Thành không chết. Do vậy, hậu quả đến đâu thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm tới đó. Chỉ trong trường hợp ông H chết thì mới có thể kết án các bị cáo về tội "Giết người" với lỗi cố ý gián tiếp.

Nội dung án lệ số 01/2016/AL ngày 04/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao không giống với nội dung của vụ án này. Do vậy, việc ông H và luật sư M viện dẫn án lệ số 01/2016/AL ngày 04/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để đề nghị kết án các bị cáo về tội "Giết người" là không có cơ sở.

Với các lý do đã nêu, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Thành về phần tội danh.

Về nội dung kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo:

Khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt quy định từ 7 năm đến 14 năm tù.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (như đã được nêu ở phần trên), không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt T 09 năm tù, xử phạt N 08 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo. Mặt khác, cũng không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T theo như đề nghị của luật sư R.

Về nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Thành 188.514.300đ. Tại phiên tòa, các bị cáo và ông H thỏa thuận như sau: Gộp chung tất cả các khoản thiệt hại của ông H, các bị cáo sẽ bồi thường cho ông H 288.514.300đ. Việc thỏa thuận là không trái pháp luật. Căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5].Về án phí.

Do có thay đổi về mức bồi thường theo thỏa thuận của các bên, nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc

các bị cáo phải chịu 14.424.000đ án phí dân sự (cụ thể, mỗi bị cáo phải chịu 7.212.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 215/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ các Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân T** 09 (chín) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2019;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái** N 08 (tám) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N và ông Nguyễn Văn H như sau:

Bị cáo Bùi Xuân T, Nguyễn Thái N phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 288.514.300đ (hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng).

2.Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thực hiện xong việc bồi thường, các bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và 368 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Mỗi bị cáo phải chịu 7.212.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí phúc thẩm cho người bị hại Nguyễn Văn H.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6b, Điều 7, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu yêu cầu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Huyện Bình Chánh; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Đương sự: (4)
- Chi Cục THA Huyện Bình Chánh; (1)
- TAND Huyện Bình Chánh; (2)
- Công an Huyện Bình Chánh; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (26). (6)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn